

KẾ HOẠCH

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng của ngành trong năm 2026

Thực hiện Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 16/01/2026 về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Thông báo số 01-TB/BCĐ ngày 05/4/2026 về Kết luận phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế 02 con số giai đoạn 2026 - 2030, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng của tỉnh đạt 10% trở lên và của ngành đạt 5,86% trong năm 2026. Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng của ngành trong năm 2026, với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phương châm hành động

Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được trong thời gian qua, ngành Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết nội bộ; phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, chủ động, linh hoạt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng hiệu quả các thời cơ, lợi thế của ngành và của tỉnh, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; đồng thời góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I.

Trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường tập trung tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành; quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm phương châm hành động năm 2026 theo tinh thần **“Rõ người, rõ việc – Quyết liệt triển khai – Hiệu quả thực chất”**. Việc tổ chức thực hiện được gắn chặt với chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, đơn vị; phân công rõ trách nhiệm, tiến độ và sản phẩm đầu ra; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, bảo đảm thiết thực, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Mục tiêu:

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh.

Phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, tuần hoàn, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn gắn với

liên kết chuỗi giá trị. Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy. Phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng ngành năm 2026 là 5,86%, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP toàn tỉnh đạt từ 10% trở lên.

3. Yêu cầu:

- Bảo đảm sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo giữa các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở. Tập trung quán triệt và tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ cụ thể được phân công tại Kế hoạch này. Việc tổ chức thực hiện phải nghiêm túc, có phân công cụ thể, rõ người thực hiện, rõ nội dung công việc, rõ thời hạn hoàn thành, rõ kết quả đầu ra và rõ trách nhiệm cá nhân.

- Người đứng đầu cấp ủy đảng và lãnh đạo các phòng, chi cục, trung tâm, đơn vị trực thuộc Sở phải trực tiếp chịu trách nhiệm về việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá. Mỗi đơn vị phải cụ thể hóa các mục tiêu tăng trưởng này thành chỉ tiêu công tác phù hợp, gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về kết quả thực hiện.

- Quá trình triển khai Kế hoạch phải gắn liền với công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện. Kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đồng thời chủ động rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ và giải pháp phù hợp để bảo đảm hoàn thành và phấn đấu vượt mức các mục tiêu tăng trưởng đã đề ra.

- Bám sát các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 đã được xây dựng; bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm.

- Gắn thực hiện kế hoạch sản xuất với phòng chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường và phục hồi sản xuất sau thiên tai năm 2025.

- Kết hợp hài hòa giữa giải pháp tăng trưởng trực tiếp và giải pháp gián tiếp thông qua quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường.

II. KỊCH BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

Thực hiện Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 16/01/2026 về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng của tỉnh đạt 10% trở lên và của ngành đạt 5,86% (*trương đương 94.740,9 tỷ đồng theo giá hiện hành*) trong năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kịch bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ 9 tháng cuối năm 2026 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo các chỉ tiêu UBND tỉnh giao, đồng thời cụ thể hóa kịch bản điều hành đối với một số chỉ tiêu chủ yếu theo từng quý, làm cơ sở tổ chức thực hiện, theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kịch bản điều hành năm 2026								Ghi chú
			Thực hiện năm 2025 (so sánh 2020)	Kế hoạch năm 2026 (giá hiện hành)	Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	
1	Tốc độ tăng trưởng	%		5,86	5,44	5,75	5,76	5,91	5,73	6,01	
2	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản (GRDP - theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	58.443	94.740,9	10.799,5	15.063,4	25.862,9	16.221,0	42.083,9	52.656,9	

Việc phân bổ chỉ tiêu giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2026 theo quý được xây dựng trên cơ sở bám sát đặc điểm mùa vụ, chu kỳ sản xuất của từng lĩnh vực, đồng thời đảm bảo khớp đúng với chỉ tiêu tăng trưởng cả năm theo kế hoạch được giao. Cụ thể:

- Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật chiếm tỷ trọng lớn nhất, được phân bổ tăng dần qua các quý và tập trung cao vào quý IV, phù hợp với chu kỳ thu hoạch các cây trồng chủ lực của địa phương như: Sầu riêng, cà phê, hồ tiêu và cây lâu năm.

- Lĩnh vực chăn nuôi và thú y có đặc điểm sản xuất tương đối ổn định theo thời gian, do đó giá trị được phân bổ khá đồng đều giữa các quý, góp phần giữ vai trò ổn định tăng trưởng toàn ngành.

- Lĩnh vực thủy sản và biển đảo được phân bổ giá trị cao vào các quý I, II, và IV là thời điểm điều kiện thuận lợi cho nuôi trồng và khai thác; giảm vào quý III do yếu tố mùa vụ và ảnh hưởng của mưa bão, thời tiết bất lợi.

- Lĩnh vực lâm nghiệp được phân bổ tương đối ổn định giữa các quý, tăng nhẹ vào cuối năm gắn với tiến độ khai thác và trồng rừng.

(Chi tiết theo phụ lục IV, V kèm theo)

Tháng 4: Ngành dự kiến đóng góp khoảng 7.000 – 7.100 tỷ đồng vào tăng trưởng chung. Đây là thời điểm cao điểm thu hoạch vụ Đông Xuân và nhiều sản phẩm chủ lực khác, góp phần gia tăng giá trị sản xuất toàn ngành. Cụ thể:

a) Lĩnh vực trồng trọt: Dự kiến đóng góp khoảng 4.700 – 4.900 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn trong toàn ngành. Một số cây trồng chủ lực có mức đóng góp cao gồm: hồ tiêu khoảng trên 3.000 tỷ đồng; lúa khoảng trên 1.000 tỷ đồng; hạt

điều khoảng 500 – 600 tỷ đồng; cao su khoảng 180 – 220 tỷ đồng; các cây trồng khác đóng góp không đáng kể.

b) Lĩnh vực chăn nuôi: Dự kiến đóng góp khoảng 1.100 – 1.200 tỷ đồng. Hoạt động chăn nuôi duy trì ổn định, ít chịu tác động của yếu tố mùa vụ nên đóng góp tương đối đều vào giá trị chung. Các sản phẩm chủ yếu gồm: thịt lợn, gia cầm, trứng, thịt bò và sữa.

c) Lĩnh vực thủy sản: Dự kiến đóng góp khoảng 900 – 1.000 tỷ đồng. Nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi, lĩnh vực thủy sản đạt mức tăng trưởng khá; giá trị đóng góp chủ yếu đến từ hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp: Dự kiến đóng góp khoảng 150 – 160 tỷ đồng. Sản xuất lâm nghiệp còn ở quy mô nhỏ, giá trị chủ yếu từ trồng rừng, chăm sóc rừng và khai thác rừng trồng.

Tháng 5: Ngành dự kiến đóng góp khoảng 4.500 – 4.700 tỷ đồng vào tăng trưởng chung, giảm so với tháng 4 do đã kết thúc cao điểm thu hoạch vụ Đông Xuân, nhiều sản phẩm chủ lực không còn duy trì mức đóng góp cao như trước. Cụ thể:

a) Lĩnh vực trồng trọt: Dự kiến đóng góp khoảng 2.300 – 2.500 tỷ đồng. Sau khi kết thúc giai đoạn thu hoạch tập trung trong tháng 4, hoạt động trồng trọt trong tháng 5 giảm rõ rệt; lúa (thóc) chủ yếu thu hoạch phần diện tích còn lại của vụ Đông Xuân, hạt điều bước vào giai đoạn cuối vụ nên sản lượng và giá trị giảm dần; các cây trồng khác duy trì ở mức thấp, chưa tạo ra giá trị gia tăng đáng kể.

b) Lĩnh vực chăn nuôi: Dự kiến đóng góp khoảng 1.150 – 1.200 tỷ đồng. Hoạt động chăn nuôi tiếp tục duy trì ổn định, đóng góp tương đối đều vào giá trị chung.

c) Lĩnh vực thủy sản: Dự kiến đóng góp khoảng 950 – 1.000 tỷ đồng. Điều kiện thời tiết tiếp tục thuận lợi cho hoạt động sản xuất, khai thác và nuôi trồng, góp phần duy trì mức tăng trưởng ổn định.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp: Dự kiến đóng góp khoảng 55 – 65 tỷ đồng. Sản xuất lâm nghiệp duy trì ổn định, chưa có yếu tố đột biến.

Tháng 6: Ngành dự kiến đóng góp khoảng 3.300 – 3.400 tỷ đồng vào tăng trưởng chung, là mức thấp trong quý do rơi vào giai đoạn chuyển vụ, phần lớn hoạt động sản xuất đang trong thời kỳ chăm sóc, chưa đến kỳ thu hoạch. Cụ thể:

a) Lĩnh vực trồng trọt: Dự kiến đóng góp khoảng 1.100 – 1.200 tỷ đồng. Giá trị sản xuất giảm do không có cây trồng chủ lực thu hoạch; một số cây như sắn bắt đầu cho sản lượng nhưng quy mô còn nhỏ, cao su duy trì khai thác ổn định; các cây trồng khác chủ yếu đang trong giai đoạn sinh trưởng.

b) Lĩnh vực chăn nuôi: Dự kiến đóng góp khoảng 1.250 – 1.350 tỷ đồng. Hoạt động chăn nuôi duy trì ổn định và có xu hướng tăng nhẹ.

c) Lĩnh vực thủy sản: Dự kiến đóng góp khoảng 950 – 1.050 tỷ đồng. Giá trị sản xuất duy trì ở mức ổn định; nuôi trồng thủy sản chưa đến kỳ thu hoạch.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp: Dự kiến đóng góp khoảng 55 – 65 tỷ đồng. Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục duy trì ổn định.

Tháng 7: Ngành dự kiến đóng góp khoảng 2.800 – 3.000 tỷ đồng vào tăng trưởng chung, là mức thấp nhất trong năm do chưa bước vào vụ thu hoạch chính của các sản phẩm chủ lực. Cụ thể:

a) Lĩnh vực trồng trọt: Dự kiến đóng góp khoảng 1.900 – 2.000 tỷ đồng. Giá trị sản xuất duy trì ở mức thấp do chưa đến kỳ thu hoạch của các cây trồng chủ lực.

b) Lĩnh vực chăn nuôi: Dự kiến đóng góp khoảng 580 – 620 tỷ đồng. Hoạt động chăn nuôi có xu hướng giảm do nhu cầu thị trường giảm do thời điểm này trùng với rằm tháng 7 và là thời điểm bắt đầu vụ chăn nuôi mới để phục vụ nhu cầu thị trường cuối năm.

c) Lĩnh vực thủy sản: Dự kiến đóng góp khoảng 280 – 320 tỷ đồng. Giá trị sản xuất giảm do điều kiện khai thác chưa thuận lợi.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp: Dự kiến đóng góp khoảng 35 – 40 tỷ đồng. Sản xuất lâm nghiệp giảm theo kế hoạch khai thác.

Tháng 8: Ngành dự kiến đóng góp khoảng 5.100 – 5.300 tỷ đồng vào tăng trưởng chung, tăng so với tháng 7 do bắt đầu bước vào vụ thu hoạch của một số cây ăn quả chủ lực. Cụ thể:

a) Lĩnh vực trồng trọt: Dự kiến đóng góp khoảng 4.200 – 4.400 tỷ đồng. Giá trị sản xuất tăng trở lại nhờ sầu riêng bắt đầu vào vụ thu hoạch, cùng với một số cây trồng khác bổ sung giá trị.

b) Lĩnh vực chăn nuôi: Dự kiến đóng góp khoảng 550 – 600 tỷ đồng, duy trì ở mức thấp.

c) Lĩnh vực thủy sản: Dự kiến đóng góp khoảng 260 – 280 tỷ đồng, chưa phục hồi rõ rệt.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp: Dự kiến đóng góp khoảng 30 – 35 tỷ đồng, duy trì ổn định.

Tháng 9: Ngành dự kiến đóng góp khoảng 8.000 – 8.100 tỷ đồng vào tăng trưởng chung, là mức cao nhất trong quý III do bước vào cao điểm thu hoạch của các cây ăn quả chủ lực, đặc biệt là sầu riêng. Cụ thể:

a) Lĩnh vực trồng trọt: Dự kiến đóng góp khoảng 7.100 – 7.300 tỷ đồng, giữ vai trò quyết định trong tăng trưởng chung. Giá trị sản xuất tăng mạnh nhờ nhiều loại cây trồng bước vào giai đoạn thu hoạch cao điểm, trong đó sầu riêng đạt đỉnh sản lượng và giá trị, đóng góp lớn cho toàn ngành; lúa (thóc) tiếp tục thu hoạch, bổ sung đáng kể vào tổng giá trị; các cây trồng khác đóng góp không lớn.

b) Lĩnh vực chăn nuôi: Dự kiến đóng góp khoảng 580 – 620 tỷ đồng. Hoạt động chăn nuôi duy trì ở mức ổn định, chưa có sự phục hồi rõ rệt.

c) Lĩnh vực thủy sản: Dự kiến đóng góp khoảng 230 – 250 tỷ đồng. Giá trị sản xuất tiếp tục ở mức thấp; hoạt động khai thác còn hạn chế, nuôi trồng chưa

đến kỳ thu hoạch chính.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp: Dự kiến đóng góp khoảng 30 – 35 tỷ đồng. Sản xuất lâm nghiệp duy trì ổn định.

Tháng 10: Ngành dự kiến đóng góp khoảng 3.100 – 3.300 tỷ đồng vào tăng trưởng chung, giảm mạnh so với tháng 9 do kết thúc vụ thu hoạch các cây ăn quả chủ lực, đặc biệt là sầu riêng. Cụ thể:

a) Lĩnh vực trồng trọt: Dự kiến đóng góp khoảng 1.300 – 1.400 tỷ đồng. Giá trị sản xuất giảm sâu do không còn các cây trồng có giá trị cao trong kỳ; sản xuất chủ yếu chuyển sang giai đoạn chăm sóc, chuẩn bị vụ mới.

b) Lĩnh vực chăn nuôi: Dự kiến đóng góp khoảng 1.150 – 1.200 tỷ đồng. Hoạt động chăn nuôi có xu hướng tăng nhẹ, quy mô sản xuất từng bước phục hồi.

c) Lĩnh vực thủy sản: Dự kiến đóng góp khoảng 580 – 620 tỷ đồng. Giá trị sản xuất có dấu hiệu phục hồi; hoạt động khai thác và nuôi trồng thuận lợi hơn.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp: Dự kiến đóng góp khoảng 70 – 80 tỷ đồng. Sản xuất lâm nghiệp duy trì ổn định.

Tháng 11: Ngành dự kiến đóng góp khoảng 13.000 – 13.500 tỷ đồng vào tăng trưởng chung, tăng mạnh so với tháng 10 do bước vào vụ thu hoạch của các cây trồng chủ lực. Cụ thể:

a) Lĩnh vực trồng trọt: Dự kiến đóng góp khoảng 11.000 – 11.500 tỷ đồng, giữ vai trò quyết định trong mức tăng chung. Giá trị sản xuất tăng mạnh nhờ cà phê bắt đầu thu hoạch với sản lượng lớn; bên cạnh đó, một số cây trồng khác tiếp tục đóng góp, góp phần nâng giá trị sản xuất toàn ngành.

b) Lĩnh vực chăn nuôi: Dự kiến đóng góp khoảng 1.250 – 1.350 tỷ đồng. Hoạt động chăn nuôi duy trì ổn định và có xu hướng phục hồi nhẹ.

c) Lĩnh vực thủy sản: Dự kiến đóng góp khoảng 550 – 600 tỷ đồng. Giá trị sản xuất giữ ở mức ổn định.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp: Dự kiến đóng góp khoảng 70 – 80 tỷ đồng. Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục duy trì ổn định.

Tháng 12: Ngành dự kiến đóng góp khoảng 35.000 – 36.500 tỷ đồng vào tăng trưởng chung, là mức cao nhất trong năm do bước vào cao điểm thu hoạch của các cây trồng chủ lực, đặc biệt là cà phê. Cụ thể:

a) Lĩnh vực trồng trọt: Dự kiến đóng góp khoảng 33.500 – 34.500 tỷ đồng, giữ vai trò quyết định trong tổng giá trị toàn ngành. Giá trị sản xuất tăng mạnh nhờ cà phê bước vào cao điểm thu hoạch, sản lượng lớn; bên cạnh đó, một số cây trồng khác tiếp tục thu hoạch, đóng vai trò bổ sung.

b) Lĩnh vực chăn nuôi: Dự kiến đóng góp khoảng 1.250 – 1.350 tỷ đồng. Hoạt động chăn nuôi duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cuối năm.

c) Lĩnh vực thủy sản: Dự kiến đóng góp khoảng 580 – 620 tỷ đồng. Giá trị sản xuất duy trì ổn định.

d) *Lĩnh vực lâm nghiệp*: Dự kiến đóng góp khoảng 90 – 100 tỷ đồng. Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục duy trì ổn định.

Việc phân bổ theo quý như trên đảm bảo: Phù hợp thực tiễn sản xuất của địa phương; Phản ánh đúng quy luật mùa vụ; Đảm bảo tính logic, thống nhất và khớp đúng với tổng chỉ tiêu ngành. Qua đó, tạo cơ sở thuận lợi cho công tác chỉ đạo điều hành, theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch trong năm 2026.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh

1.1. Các đơn vị trực thuộc Sở

- Đổi mới phương thức điều hành theo hướng chủ động, linh hoạt, thực chất, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo đánh giá cán bộ, đơn vị; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nội bộ: triển khai sử dụng nền tảng quản lý văn bản, quản lý công việc, hệ thống theo dõi chỉ tiêu tăng trưởng.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá; kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh tại cơ sở.

- Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với yêu cầu mới trong quản lý nhà nước về nông nghiệp, tài nguyên và môi trường do đơn vị mình quản lý; Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật còn bất cập, chồng chéo, không phù hợp thực tiễn; tập trung vào các lĩnh vực đất đai, môi trường, thủy lợi, đầu tư công, chuyển đổi số...

- Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính: rà soát, đơn giản hóa TTHC; rút ngắn thời gian xử lý; cắt giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp; Tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình: cung cấp dịch vụ trên đa nền tảng, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Tổ chức đối thoại định kỳ với doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân để lắng nghe, tiếp thu ý kiến và cải thiện quy trình phục vụ; Đẩy nhanh tiến độ giải quyết các hồ sơ giao đất, cho thuê đất, phê duyệt môi trường... nhằm tạo thuận lợi cho nhà đầu tư.

1.2. Văn phòng Sở

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc các đơn vị rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; rút ngắn thời gian, giảm chi phí; đảm bảo dịch vụ công trực tuyến đầy đủ, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; báo cáo Giám đốc Sở kết quả thực hiện định kỳ hàng tháng.

- Chủ trì phối hợp với Phòng Kế hoạch Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức đối thoại định kỳ với doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân; tiếp thu ý kiến, cải thiện quy trình giải quyết hồ sơ giao đất, cho thuê đất, phê duyệt môi trường...; đôn đốc, báo cáo Giám đốc Sở kết quả thực hiện.

2. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, lấy đầu tư công dẫn dắt, kích

hoạt và thu hút mọi nguồn lực xã hội

2.1. Các đơn vị trực thuộc Sở

- Xây dựng kế hoạch giải ngân đối với từng dự án; chỉ đạo các chủ đầu tư báo cáo tiến độ giải ngân từng tháng, quý, tuân thủ kế hoạch giải ngân đã đề ra; phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm từng dự án, kiểm soát chặt quy mô, tiến độ, hiệu quả đầu tư; đưa kết quả giải ngân thành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để kiểm điểm, khen thưởng, xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế, chính sách trong quá trình triển khai để kịp thời báo cáo, kiến nghị đoàn công tác của Thành viên Chính phủ làm việc với các địa phương và Tổ công tác đặc biệt của các địa phương để kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại hiện trường, đôn đốc các nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ gắn với đảm bảo chất lượng công trình, dự án, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm.

2.2. Phòng Kế hoạch Tài chính

- Khẩn trương tham mưu phân bổ chi tiết hết kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh quản lý, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún, phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân và đúng các quy định pháp luật về đầu tư công.

- Đôn đốc, theo dõi sát tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công của các đơn vị được giao làm chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư các dự án xây dựng cơ bản, các đơn vị được giao tham mưu theo dõi và thực hiện; tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên để kịp thời chỉ đạo các giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, sát với tình hình thực tiễn nhằm hoàn thành mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2026.

- Rà soát, kịp thời tham mưu đề xuất điều chuyển kế hoạch vốn của các dự án giải ngân chậm để bổ sung cho các dự án khác có khả năng giải ngân tốt và có nhu cầu đẩy nhanh tiến độ theo quy định, đặc biệt là các dự án quan trọng, cấp bách của ngành.

3. Đẩy mạnh, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống

3.1. Nhóm nhiệm vụ tạo động lực tăng trưởng trực tiếp (*Các nhiệm vụ tác động trực tiếp đến giá trị sản xuất, sản lượng và tăng trưởng ngành*).

3.1.1. Nhóm nhiệm vụ chung.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2026, tập trung phát triển các ngành hàng chủ lực; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng toàn ngành 5,86%.

- Ổn định, phục hồi và mở rộng sản xuất sau thiên tai, dịch bệnh, chủ động phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản; giảm thiểu rủi ro, hạn chế thiệt hại trong sản xuất.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, quy mô tập trung, kiểm soát dịch bệnh và an toàn thực phẩm; tạo điều kiện cho các dự án chăn nuôi lớn đi vào hoạt động, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng.

- Phát triển thủy sản có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả nuôi trồng; tổ chức lại hoạt động khai thác theo hướng bền vững, gắn với chống khai thác IUU.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đẩy mạnh trồng rừng tập trung, khai thác rừng trồng đến chu kỳ; nâng cao giá trị kinh tế rừng, đóng góp ổn định cho tăng trưởng ngành.

3.1.2. Nhóm nhiệm vụ cụ thể từng lĩnh vực.

a) Trồng trọt

Bên cạnh việc ổn định diện tích và cơ cấu cây trồng chủ lực, lĩnh vực trồng trọt năm 2026 tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất trồng trọt theo mùa vụ, vùng sinh thái và định hướng thị trường; chủ động điều chỉnh cơ cấu cây trồng linh hoạt theo diễn biến thời tiết, thị trường và khả năng cung ứng vật tư đầu vào.

- Đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng giống mới, quy trình kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất đối với các cây trồng chủ lực như lúa, cà phê, sầu riêng, hồ tiêu, cao su và cây ăn quả.

- Tăng cường phát triển sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ; duy trì ổn định 320 mã số vùng trồng xuất khẩu, 52 cơ sở đóng gói xuất khẩu và tiếp tục mở rộng diện tích được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói mới; đẩy mạnh truy xuất nguồn gốc phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Phối hợp thúc đẩy liên kết sản xuất – tiêu thụ theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất trồng trọt với chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường, góp phần nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm.

- Phối hợp tăng cường công tác dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, sâu bệnh hại cây trồng; triển khai kịp thời các biện pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, mưa lũ bất thường nhằm hạn chế thiệt hại trong sản xuất.

- Tiếp tục phát triển, mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, tuần hoàn; phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, quy mô lớn có giá trị gia tăng cao, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực như: rau, cà phê, sầu riêng...

- Tiếp tục ổn định diện tích sản xuất, đầu tư thâm canh nâng cao năng suất, ưu tiên sử dụng các giống ngắn ngày, chất lượng cao; ổn định tiêu thụ sản phẩm thông qua nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác; nâng cao giá trị sản phẩm thông qua khâu sơ chế, bảo quản, phân đấu đạt và vượt kế hoạch sản xuất năm 2026 đã đề ra. Cây lương thực có hạt: Duy trì diện tích hợp lý, tập trung nâng cao năng suất, phân đấu sản lượng đạt: Lúa: 1.339,60 nghìn tấn; Ngô: 569,90 nghìn tấn; Cây có củ: Ổn định diện tích, ứng dụng giống năng suất cao,

gắn với chế biến, phần đầu sản lượng: Sắn: 1.338,04 nghìn tấn; Khoai lang: 222,84 nghìn tấn; Cây thực phẩm (rau, đậu): Phát triển theo nhu cầu thị trường, tăng sản xuất an toàn, phần đầu: Rau các loại: 461,14 nghìn tấn; Đậu các loại: 28,10 nghìn tấn. Cây công nghiệp: Sản lượng mía đạt 3.521,60 nghìn tấn. Cây lâu năm: nâng cao chất lượng, sản lượng: Cà phê: 617,50 nghìn tấn; Cao su: 41,12 nghìn tấn; Hồ tiêu: 87,86 nghìn tấn; Điều: 43,14 nghìn tấn; Cây ăn quả: Phát triển vùng sản xuất tập trung, gắn với xuất khẩu, tập trung các sản phẩm chủ lực: Sầu riêng: 544 nghìn tấn; Bơ: 48,15 nghìn tấn (*chi tiết phụ lục I kèm theo*), công tác chỉ đạo hàng tháng cụ thể:

- Tháng 4 – tháng 5

+ *Cây hàng năm*: Tổ chức thu hoạch nhanh, gọn vụ Đông Xuân, hạn chế thất thoát sau thu hoạch; đồng thời khẩn trương giải phóng đất, chuẩn bị đầy đủ giống, vật tư để triển khai sản xuất vụ Hè Thu; tăng cường chăm sóc cây ăn quả giai đoạn nuôi trái.

+ *Cây lâu năm*: Tiếp tục tổ chức chỉ đạo sản xuất cây lâu năm theo chu kỳ sinh trưởng, gắn với điều kiện thời tiết và nhu cầu thị trường; tập trung nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng các cây trồng chủ lực, đẩy mạnh tái canh, thâm canh bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng toàn ngành.

- Cuối tháng 4 – tháng 6

+ *Cây hàng năm*: Tập trung chỉ đạo gieo trồng vụ Hè Thu; bố trí thời vụ hợp lý, tránh rủi ro do thời tiết; áp dụng các biện pháp thâm canh, sử dụng giống chịu hạn, kháng sâu bệnh; chủ động điều tiết nước tưới; đảm bảo diện tích và nâng cao năng suất cây trồng.

+ *Cây lâu năm*: Tiếp tục tổ chức chỉ đạo sản xuất cây lâu năm theo chu kỳ sinh trưởng, gắn với điều kiện thời tiết và nhu cầu thị trường; tập trung nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng các cây trồng chủ lực, đẩy mạnh tái canh, thâm canh bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng toàn ngành.

- Tháng 7 – tháng 8

+ *Cây hàng năm*: Tăng cường công tác chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trong điều kiện thời tiết bất lợi đối với cây trồng vụ Hè Thu; theo dõi chặt chẽ sinh trưởng, kịp thời xử lý các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất; đồng thời chuẩn bị điều kiện sản xuất vụ Thu Đông.

+ *Cây lâu năm*: Tiếp tục tổ chức chỉ đạo sản xuất cây lâu năm theo chu kỳ sinh trưởng, gắn với điều kiện thời tiết và nhu cầu thị trường; tập trung nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng các cây trồng chủ lực, đẩy mạnh tái canh, thâm canh bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng toàn ngành.

- Cuối tháng 8 – tháng 9

+ *Cây hàng năm*: Tổ chức thu hoạch vụ Hè Thu đảm bảo nhanh, gọn; đồng thời triển khai gieo trồng vụ Thu Đông ngay sau thu hoạch; đẩy mạnh sản xuất cây ngắn ngày, rau màu nhằm tận dụng quỹ đất và nâng cao giá trị sản xuất.

+ *Cây lâu năm*: Tiếp tục tổ chức chỉ đạo sản xuất cây lâu năm theo chu kỳ sinh trưởng, gắn với điều kiện thời tiết và nhu cầu thị trường; Tổ chức thu hoạch **Sầu riêng**; đảm bảo thu hoạch đúng độ chín, giảm thất thoát sau thu hoạch, nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời, tăng cường hướng dẫn sơ chế, bảo quản, đẩy mạnh liên kết tiêu thụ và xuất khẩu.

- Tháng 10 – tháng 11

+ *Cây hàng năm*: Tập trung chăm sóc cây trồng vụ Thu Đông; tăng cường phòng trừ sâu bệnh cuối vụ; tổ chức thu hoạch các loại cây công nghiệp lâu năm (đặc biệt cà phê) và cây ăn quả; đẩy mạnh liên kết tiêu thụ sản phẩm.

+ *Cây lâu năm*: Tiếp tục tổ chức chỉ đạo sản xuất cây lâu năm theo chu kỳ sinh trưởng, gắn với điều kiện thời tiết và nhu cầu thị trường; Tổ chức thu hoạch **Sầu riêng, cà phê**; đảm bảo thu hoạch đúng độ chín, giảm thất thoát sau thu hoạch, nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời, tăng cường hướng dẫn sơ chế, bảo quản, đẩy mạnh liên kết tiêu thụ và xuất khẩu.

- Tháng 12

+ *Cây hàng năm*: Tổ chức thu hoạch dứt điểm vụ Thu Đông; tổng kết, đánh giá kết quả sản xuất trồng trọt trong năm; rà soát, xây dựng kế hoạch sản xuất năm sau; chuẩn bị điều kiện để triển khai vụ Đông Xuân tiếp theo.

+ *Cây lâu năm*: Tiếp tục tổ chức chỉ đạo sản xuất cây lâu năm theo chu kỳ sinh trưởng, gắn với điều kiện thời tiết và nhu cầu thị trường; Tổ chức thu hoạch **cà phê**; đảm bảo thu hoạch đúng độ chín, giảm thất thoát sau thu hoạch, nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời, tăng cường hướng dẫn sơ chế, bảo quản, đẩy mạnh liên kết tiêu thụ và xuất khẩu.

b) Chăn nuôi

Phát huy vai trò là động lực tăng trưởng quan trọng, lĩnh vực chăn nuôi tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, tập trung, quy mô lớn; khuyến khích chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại, gia trại gắn với kiểm soát dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các dự án chăn nuôi lớn, các tổ hợp chăn nuôi – giết mổ – chế biến sớm hoàn thành đầu tư và đi vào hoạt động ổn định trong năm 2026, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng ngành.

- Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; tổ chức tiêm phòng đầy đủ, giám sát chặt chẽ các bệnh nguy hiểm; chủ động xây dựng kịch bản ứng phó khi xảy ra dịch bệnh.

- Phát triển đàn vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng giống; khuyến khích sử dụng giống năng suất cao, phù hợp điều kiện sinh thái của tỉnh.

- Phối hợp thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi; từng bước xây dựng thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm chăn

nuôi trên thị trường.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng giảm tỷ trọng chăn nuôi nhỏ lẻ, tăng quy mô trang trại tập trung, ứng dụng giống năng suất, chất lượng cao; đảm bảo an toàn sinh học, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Đẩy mạnh liên kết sản xuất – chế biến – tiêu thụ, thu hút doanh nghiệp đầu tư, hình thành chuỗi giá trị, tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm. Phân đầu đạt và vượt kế hoạch sản xuất năm 2026 đã đề ra. Tổng đàn gia súc, gia cầm đạt khoảng 22,7 triệu con, tăng 2,09% so với năm trước; Đàn Trâu: trên 30 ngàn con; Đàn bò: trên 400 ngàn con; Đàn lợn đạt 1,27 triệu con; Đàn gia cầm đạt 21,0 triệu con; Sản lượng thịt hơi các loại đạt 390 nghìn tấn; Sản lượng trứng đạt trên 830 triệu quả (*chi tiết phụ lục I kèm theo*) công tác chỉ đạo hàng tháng cụ thể:

- **Tháng 4–8:** Đẩy mạnh phát triển đàn, nâng cao năng suất chăn nuôi; tăng cường chăm sóc vật nuôi trong điều kiện thời tiết nắng nóng, mưa nhiều; chủ động phòng, chống dịch bệnh.

- **Tháng 9–12):** Tăng đàn phục vụ nhu cầu thị trường; tổ chức sản xuất gắn với tiêu thụ; đảm bảo nguồn cung thực phẩm, nhất là dịp cuối năm; kiểm soát chặt chẽ an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

c) Thủy sản

Lĩnh vực thủy sản được tổ chức phát triển theo hướng bền vững, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, với các nhiệm vụ chủ yếu:

- Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, bán thâm canh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, nhất là đối với các đối tượng nuôi chủ lực.

- Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản theo hướng bền vững; kiểm soát chặt chẽ cường lực khai thác, bảo vệ và phục hồi nguồn lợi thủy sản.

- Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp chống khai thác IUU; tăng cường quản lý tàu cá, giám sát hành trình, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản theo quy định.

- Nâng cao năng lực quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản; chủ động phòng, chống dịch bệnh, hạn chế rủi ro trong sản xuất.

- Khuyến khích phát triển liên kết sản xuất – tiêu thụ, chế biến thủy sản, góp phần ổn định đầu ra và nâng cao giá trị sản phẩm.

- Phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tài nguyên biển; khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; giảm dần sản lượng khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ phù hợp với trữ lượng nguồn lợi; nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản trên cơ sở tổ chức sản xuất theo các hình thức tổ đội, nghiệp đoàn khai thác trên biển; chú trọng khai thác các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao, phân đầu đạt và vượt kế hoạch sản xuất năm 2026 đã đề ra. Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản nội địa, đặc biệt nuôi nước ngọt và nuôi hỗn hợp; mở rộng diện tích, nâng cao năng suất, phần

đầu sản lượng đạt 38,93 nghìn tấn, trong đó nuôi nước ngọt đạt 23,57 nghìn tấn, Duy trì ổn định nuôi tôm nước lợ, nâng cao hiệu quả và kiểm soát dịch bệnh, phần đầu sản lượng đạt 13,26 nghìn tấn. Phát triển nuôi biển theo hướng bền vững, tập trung các đối tượng có giá trị như tôm hùm, cá biển, nhuyễn thể, phần đầu sản lượng đạt 4,26 nghìn tấn. Duy trì ổn định quy mô khai thác thủy sản; tổ chức lại sản xuất theo tổ, đội; gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phần đầu sản lượng đạt 72,77 nghìn tấn (*chi tiết phụ lục I kèm theo*). Công tác chỉ đạo hàng tháng cụ thể:

- **Tháng 4:** Tập trung cải tạo ao nuôi, chuẩn bị hạ tầng, con giống, vật tư; triển khai thả giống nuôi trồng thủy sản; đồng thời tổ chức khai thác phù hợp điều kiện thời tiết, kiểm tra, bảo dưỡng tàu thuyền, ngư cụ; tăng cường quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi.

- **Tháng 5–8:** Tăng cường chăm sóc, quản lý môi trường nuôi; phòng, chống dịch bệnh; đảm bảo sinh trưởng đối tượng nuôi; đồng thời duy trì hoạt động khai thác ổn định, tổ chức sản xuất theo tổ, đội, nâng cao hiệu quả khai thác và chủ động phòng tránh thiên tai.

- **Tháng 9–12:** Tổ chức thu hoạch nuôi trồng thủy sản, đẩy mạnh nuôi gỏi vụ, tăng sản lượng phục vụ thị trường; đồng thời tăng cường khai thác phục vụ nhu cầu cuối năm (nếu thời tiết thuận lợi), tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

d) Lâm nghiệp

Lĩnh vực lâm nghiệp tiếp tục phát huy vai trò là trụ đỡ tăng trưởng ổn định, bền vững, với các nhiệm vụ trọng tâm:

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng; ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp; giữ vững ổn định diện tích rừng hiện có.

- Đẩy mạnh trồng rừng tập trung, trồng rừng thay thế, rừng sản xuất; khuyến khích trồng rừng gỗ lớn, nâng cao chất lượng rừng trồng.

- Tổ chức khai thác rừng trồng đến chu kỳ theo kế hoạch, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật; nâng cao hiệu quả kinh tế rừng và đóng góp ổn định vào tăng trưởng ngành.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ; từng bước nâng cao giá trị gia tăng từ rừng.

- Gắn phát triển lâm nghiệp với bảo vệ môi trường sinh thái, giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện các cam kết về biến đổi khí hậu.

- Thực hiện tốt công tác phát triển rừng, phát triển kinh tế rừng (*du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trồng dược liệu dưới tán rừng*)...

Tổ chức phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao hiệu quả trồng, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh rừng và khai thác rừng trồng; gắn phát triển kinh tế lâm nghiệp với bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và duy trì ổn định

độ che phủ rừng. Phần đầu đạt và vượt kế hoạch sản xuất năm 2026 đã đề ra. Diện tích trồng rừng tập trung đạt 5,8 nghìn ha; Rừng sản xuất: 5,5 nghìn ha; Rừng phòng hộ, đặc dụng: 0,3 nghìn ha; Duy trì độ che phủ rừng đạt 41,38% (*chi tiết phụ lục I kèm theo*). Công tác chỉ đạo hàng tháng cụ thể:

- **Tháng 4:** Chuẩn bị cây giống, vật tư; phát động trồng cây phân tán; tăng cường bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; triển khai trồng rừng sớm tại các khu vực đủ điều kiện.

- **Tháng 5–8:** Tập trung trồng rừng chính vụ; đẩy mạnh chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi tái sinh rừng; đảm bảo tỷ lệ sống và chất lượng rừng.

- **Tháng 9–12:** Hoàn thành trồng rừng, chăm sóc; tổ chức khai thác rừng trồng theo kế hoạch; thực hiện tái trồng rừng sau khai thác; tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

3.2. Nhóm nhiệm vụ tạo động lực tăng trưởng gián tiếp (*Các nhiệm vụ tạo nền tảng, môi trường và điều kiện để thúc đẩy tăng trưởng bền vững*).

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tạo quỹ đất phục vụ phát triển nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, chế biến và thu hút đầu tư.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển hạ tầng nông nghiệp.

- Thu hút đầu tư, phát triển liên kết chuỗi giá trị và chế biến sâu, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản; nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương, doanh nghiệp và người dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra và giám sát, bảo đảm việc thực hiện kế hoạch đúng quy định pháp luật, nâng cao kỷ cương trong quản lý ngành.

- Tăng cường phối hợp liên ngành và với địa phương, phát huy vai trò của hệ thống khuyến nông, thú y, kiểm lâm, thủy sản; theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định.

a) Quản lý Đất đai

- Tham mưu giải quyết thủ tục hành chính về đất đai (giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn thời gian sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...) đối với các dự án nông nghiệp theo quy định, nhằm mục tiêu rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đất đai cho doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, kịp thời xử lý tình trạng sử dụng đất sai mục đích, bỏ hoang đất sản xuất; hướng dẫn tổ chức kinh tế thực hiện tích tụ, tập trung đất nông nghiệp theo quy định, nhằm mục đích sử dụng đất cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả.

- Rà soát quỹ đất do các công ty nông, lâm nghiệp quản lý; tham mưu

phương án sử dụng đất hiệu quả, tránh lãng phí, tạo nguồn lực đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp và thu hút đầu tư”.

- Tập trung triển khai Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số sơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết số 66.3/2025/NQ-CP ngày 15/9/2025 tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai; Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số nghị định thi hành luật đất đai.

b) Bảo vệ Môi trường

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, tăng cường áp dụng mô hình sản xuất thân thiện môi trường, kinh tế tuần hoàn nhằm giảm phát thải ra ngoài môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.

- Tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả công tác giải quyết thủ tục hành chính đối với hồ sơ đánh giá tác động môi trường.

- Phối hợp với các đơn vị hướng dẫn thủ tục môi trường đối với các dự án nông nghiệp, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án trong quá trình xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện thủ tục môi trường của các dự án nông nghiệp.

- Duy trì công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành quy định pháp luật, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nông nghiệp; kịp thời phát hiện, hướng dẫn tổ chức, cá nhân tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức theo dõi, giám sát, quản lý chất lượng môi trường, quản lý chất thải trên địa bàn; phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các sự cố môi trường trong sản xuất nông nghiệp; gắn công tác bảo vệ môi trường với yêu cầu phát triển bền vững và ổn định lâu dài của ngành.

c) Địa chất và Khoáng sản

- Rà soát, quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; bảo đảm nguồn cung vật liệu hợp pháp, ổn định cho các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng, hạ tầng vùng sản xuất.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi khai thác trái phép, gây thất thoát tài nguyên và ảnh hưởng đến môi trường sản xuất nông nghiệp.

- Quản lý việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản; hạn chế tác động tiêu cực đến đất sản xuất, nguồn nước và đời sống người dân khu vực nông thôn.

- Phối hợp với các ngành, địa phương trong công tác quy hoạch, cấp phép và quản lý khoáng sản, bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường và nhu cầu phát triển hạ tầng phục vụ tăng trưởng ngành nông nghiệp và môi trường.

4. Thúc đẩy hỗ trợ mạnh mẽ các dự án nông lâm thủy sản.

- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đi vào triển khai và hoạt động trong năm 2026, tạo động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng toàn ngành, cụ thể:

+ Trong lĩnh vực chăn nuôi, dự kiến có 08 dự án đủ điều kiện và khả năng đi vào hoạt động, gồm 07 dự án chăn nuôi lợn với quy mô tổng đàn khoảng 240 nghìn con/năm và 01 dự án nuôi vịt với quy mô khoảng 08 triệu con vịt giống/năm. Các dự án này góp phần mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng và ổn định nguồn cung sản phẩm chăn nuôi.

+ Trong lĩnh vực thủy sản, sẽ triển khai khởi công một số dự án trọng điểm, gồm: dự án nuôi tôm công nghiệp công nghệ cao và dự án nuôi lồng bè trên biển ứng dụng công nghệ cao tại xã Xuân Cảnh. Các dự án này có ý nghĩa quan trọng trong hiện đại hóa hạ tầng thủy sản, nâng cao hiệu quả nuôi trồng, khai thác và dịch vụ hậu cần nghề cá.

+ Trong lĩnh vực trồng trọt, tiếp tục triển khai Dự án “Canh tác cà phê thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam” theo Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và tính bền vững của ngành cà phê. Đồng thời, tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai các giải pháp thích ứng với quy định không gây mất rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR) theo Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh, phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc cà phê không gây mất rừng, qua đó duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu.

+ Trong lĩnh vực lâm nghiệp, hiện đã có 03 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư và 03 dự án đang hoàn thiện hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư, dự kiến có khả năng triển khai trong năm 2026. Các dự án này sẽ góp phần phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng bền vững, gia tăng giá trị rừng và tạo thêm nguồn lực tăng trưởng cho ngành.

Yêu cầu các đơn vị báo cáo tiến độ thực hiện, khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong việc triển khai thực hiện dự án định kỳ vào ngày 20 hàng tháng.

(Chi tiết phụ lục II kèm theo)

5. Nhiệm vụ ưu tiên theo Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 16/01/2026 về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển

kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (chi tiết phụ lục III kèm theo)

Việc triển khai các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 16/01/2026 phải đảm bảo đồng bộ, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với trách nhiệm người đứng đầu và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng đơn vị, với phương châm “**Giao việc rõ ràng – Triển khai quyết liệt – Đánh giá bằng kết quả**” góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp và môi trường năm 2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các phòng, chi cục, trung tâm, đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, từng cán bộ đầu mối, lộ trình, thời gian thực hiện từng nhiệm vụ, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*thông qua phòng Kế hoạch tài chính*) để theo dõi, đôn đốc thực hiện.

- Chủ động tổ chức điều hành, triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của tỉnh đã đề ra, đặc biệt phấn đấu tốc độ tăng trưởng của ngành đạt 5,86% và của tỉnh Đắk Lắk đạt 10% trong năm 2026.

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này; chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

- Định kỳ (hàng tháng, quý và năm) báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này cùng với báo cáo kinh tế - xã hội gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*thông qua phòng Kế hoạch tài chính*) theo quy định.

2. Phòng Kế hoạch tài chính chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các phòng, chi cục, trung tâm, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, tổng hợp, tham mưu báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện.

3. Văn phòng Sở: Tham mưu công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của tỉnh và nội dung Kế hoạch này, tạo sự đồng thuận cao và sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

4. Phòng Tổ chức cán bộ nghiên cứu tham mưu phát động phong trào thi đua, phát huy tinh thần đoàn kết, nỗ lực, sáng tạo, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tăng trưởng của ngành đạt 5,86% và của tỉnh Đắk Lắk đạt 10% trong năm 2026 và tăng trưởng 2 con số trong những năm tiếp theo.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp với tình hình thực tế tại các phòng, chi cục, trung tâm, đơn vị cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thì chủ động báo cáo và đề xuất với Sở Nông nghiệp và Môi trường (*thông qua phòng Kế hoạch tài chính*) để xem xét, điều chỉnh.

6. Kế hoạch này thay thế kế hoạch số 2462/KH-SNNMT ngày 24/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng của ngành đạt 5,86% trở lên trong năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính (để tổng hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, chi cục, trung tâm, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu VT, KHTC (Luân 10b).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Huân